

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **133/2026/HSST**
Ngày 28-04-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vương Hồng Giang;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Quế và ông Triệu Đức Tươi.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Hứa Thị Ngọc Hà, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Vũ Xuân Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2026/TLST-HS ngày 20/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2026/QĐXXST-HS ngày 02/4/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 48/QĐ-HPT ngày 16/4/2026, đối với các bị cáo:

1. DƯƠNG VĂN M., tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/02/1983, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Sử (đã chết) và bà Dương Thị Kén; có vợ là Nguyễn Thị Thảo và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

2. DƯƠNG VĂN T., tên gọi khác: Không; sinh ngày 03/8/1980, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Mạnh Thắng và bà Dương Thị Hoa; có vợ là Nguyễn Thị Lan và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

3. NGUYỄN VĂN T., tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/02/1987, tại Ninh Bình; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính:

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn San (đã chết) và bà Tạ Thị Lan; có vợ là Phùng Thị Tĩnh và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

4. ĐẶNG VĂN H., tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/5/1978, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Kén, xã Diềm Thuy, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Hiền và bà Dương Thị Liên; có vợ là Nguyễn Thị Lợi và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

5. NGUYỄN VĂN Đ., tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/12/1978, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Núi Ngọc, xã Diềm Thuy, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 0/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hậu và bà Dương Thị Bông (đã chết); có vợ là Lê Thị Nguyệt và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/11/2020, Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28665 về hành vi “Đánh nhau” với số tiền là 750.000 đồng. Chấp hành xong ngày 16/11/2020.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

6. DƯƠNG VĂN L., tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/6/1969, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Nguyệt (đã chết) và bà Dương Thị Gái (đã chết); có vợ là Dương Thị Núi và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2012/HSST, ngày 13/6/2012 của Toà án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Đã chấp hành xong hình phạt chính và án phí.

- Ngày 30/12/2020, bị Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi đánh nhau, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

7. NGUYỄN TIẾN D., tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/9/1989, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính:

Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Xuân (đã chết) và bà Ngô Thị Thuỷ; có vợ là Nguyễn Thị Hoài và 03 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

8. DƯƠNG VĂN P., tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/05/1985, tại Thái Nguyên; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 1/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Thanh và bà Mã Thị Tuyết; có vợ là Dương Thị Tuy và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026, hiện nay đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Văn T., sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn P., sinh năm 1967, địa chỉ: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

Người chứng kiến: Ông Ngô Quý B., sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 26/12/2025, Công an xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tại khu vực phòng ngủ tầng 2 của nhà ông Ngô Văn T. có 08 đối tượng, gồm: Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L., Dương Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P. và Nguyễn Tiến D. đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Tổ công tác tiến hành kiểm đếm số tiền các đối tượng đang sử dụng để đánh bạc và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 9.660.000 đồng. Trong đó: 200.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 7.670.000 đồng thu giữ trên người của Nguyễn Văn T., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P., 290.000 đồng, thu giữ trên người của Nguyễn Văn P. 1.500.000 đồng là số tiền Phương chuyển khoản đổi tiền cho Luyến, do Luyến không có tài khoản Ngân hàng, nên chuyển vào tài khoản của Tuấn, Tuấn tự nguyện giao nộp. Ngoài ra, còn thu giữ 01 bát con sứ, màu trắng; 01 đĩa tròn bằng sứ màu trắng; 04 quân vị, một mặt màu đen, 01 mặt màu trắng, 01 chiếu nhựa màu xanh trắng, đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: Sáng ngày 26/12/2025, Tuấn, Hợp, Đức, Luyến, Trung, Mạnh, Phương, Dũng, Thành và Pha đến hộ đám cưới cho gia đình ông Ngô Quý B. tại xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng

12 giờ cùng ngày, Luyến rủ Tuấn và Đức sang nhà Thành để đánh bạc thì cả hai đồng ý. Đức đi tới khu vực nhà bếp của nhà anh Thành lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và làm 04 quân vị bằng tre có một mặt màu trắng và một mặt màu đen, sau đó Đức, Tuấn, Luyến cùng đi lên phòng ngủ tầng 02 trong phòng đã trải sẵn một chiếc chiếu nhựa màu xanh. Đức, Tuấn, Luyến cùng đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền.

Khi bắt đầu chơi Đức sử dụng số tiền khoảng 1.200.000 đồng, Luyến sử dụng số tiền khoảng 300.000 đồng, Tuấn sử dụng số tiền khoảng 1.400.000 đồng, trong đó có 400.000 đồng do Tuấn đổi cho Nguyễn Tiến D. trước đó, Tuấn chuyển từ tài khoản Ngân hàng Mbbank số XXXXXXXXXXXXX của Tuấn đến tài khoản Ngân hàng Mbbank số 0987.937.805 của Dũng và chỉ sử dụng số tiền này để đánh bạc. Khoảng 05 phút sau, Dũng đi lên tham gia đánh bạc cùng, Dũng sử dụng số tiền khoảng 300.000 đồng. Tiếp đó, Phương, Mạnh, Hợp, Trung lần lượt đến và cùng tham gia đánh bạc. Mạnh mang theo khoảng 2.100.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, 300.000 đồng Mạnh để trong túi quần là để mừng đám cưới, không sử dụng để đánh bạc; Hợp không mang theo tiền nên nhờ Mạnh đổi cho 1.000.000 đồng tiền mặt, Hợp chuyển từ tài khoản ngân hàng Agribank số XXXXXXXXXXXXX của Hợp đến tài khoản Ngân hàng MBBank số XXXXXXXXXXXXX của Mạnh; Phương sử dụng số tiền 150.000 đồng; Trung sử dụng số tiền khoảng 1.800.000 đồng.

Quá trình đánh bạc, Phương thua hết tiền nên nhờ Tuấn đổi cho 1.000.000 đồng tiền mặt, Phương chuyển từ tài khoản Ngân hàng MBBank số XXXXXXXXXXXXX của Phương đến tài khoản Ngân hàng MBBank số XXXXXXXXXXXXX của Tuấn và nhờ Luyến đổi cho 1.500.000 đồng tiền mặt do Luyến đang thắng, Phương chuyển từ số tài khoản nêu trên vào số tài khoản của Tuấn do Luyến không có tài khoản ngân hàng để tiếp tục đánh bạc. Dừng chơi đánh bạc cùng các đối tượng được khoảng vài phút thì thua hết tiền nên ngồi xem 07 người còn lại đánh bạc với nhau. Lúc này, Pha đi lên tầng để xem các đối tượng đánh bạc, Pha mang theo số tiền trên người 290.000 đồng dùng để mừng đám cưới, không sử dụng vào việc đánh bạc.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, tổ công tác của Công an xã Phú Bình kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc, gồm: 200.000 đồng; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị; thu giữ trên người các đối tượng số tiền như sau: Tuấn 2.600.000 đồng; Đức 1.650.000 đồng; Phương 520.000 đồng; Mạnh 2.790.000 đồng; Trung 110.000 đồng; Pha 290.000 đồng và một số đồ vật của những người tham gia đánh bạc. Ngoài ra, trong quá trình điều tra Nguyễn Văn T. tự giác giao nộp 1.500.000 đồng là tiền Phương chuyển vào tài khoản của Tuấn để đổi tiền.

Về số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau: Hợp sử dụng số tiền 1.000.000 đồng đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang, Hợp đã thua bạc hết, Trung sử dụng số tiền 1.800.000 đồng, thời điểm bị bắt quả tang, Trung đang thua bạc và chỉ còn lại 110.000 đồng, Dũng sử dụng 300.000 đồng thời điểm bị bắt quả tang, Dũng

đã thua bạc hết, Phương sử dụng 1.650.000 đồng để đánh bạc, gồm: 150.000 đồng Phương mang theo từ đầu và 1.500.000 đồng Phương chuyển khoản cho Tuấn để nhờ đổi tiền mặt, thời điểm bị bắt quả tang, Phương đang thua bạc chỉ còn lại 520.000 đồng. Phương đã chuyển khoản cho Tuấn 1.500.000 đồng để nhờ đổi tiền mặt, tuy nhiên Tuấn chưa đưa tiền cho Phương mà nhờ Luyến đưa tiền mặt cho Phương, Tuấn sẽ chuyển khoản trả Luyến 1.500.000 đồng. Mạnh sử dụng số tiền 800.000 đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang, Mạnh đang thắng bạc được 2.490.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng Mạnh để đi mừng đám cưới không sử dụng vào việc đánh bạc. Tuấn sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Tuấn đang thắng bạc có 2.600.000 đồng. Luyến sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Luyến thắng bạc có 1.500.000 đồng, tuy nhiên Luyến đã chuyển 1.500.000 đồng cho Tuấn để đổi tiền mặt, tại thời điểm bắt quả tang Tuấn không còn tiền. Đức sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt quả tang Đức thắng bạc và có 1.650.000 đồng.

Tại thời điểm bắt quả tang cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc 200.000 đồng và thu giữ 9.460.000 đồng của các bị cáo như sau: Tuấn 2.600.000 đồng, Đức 1.650.000 đồng, Phương 520.000 đồng, Mạnh 2.790.000 đồng, Trung 110.000 đồng, Pha 290.000 đồng. Pha không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, nên không sử dụng số tiền 290.000 đồng vào việc đánh bạc; Mạnh xác định chỉ sử dụng 2.490.000 đồng để đánh bạc, số tiền 300.000 đồng là tiền Mạnh mang đi để mừng đám cưới, nên không sử dụng để đánh bạc; Tuấn tự nguyện nộp 1.500.000 đồng Phương chuyển khoản cho Tuấn. Các bị cáo đều xác định tổng số tiền đã sử dụng để đánh bạc là 9.070.000 đồng.

Về hình thức đánh bạc: Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, người xóc đĩa cho bốn quân vị đặt vào đĩa rồi úp bát lên, dùng hai tay giữ bát và đĩa rồi xóc các quân vị ở bên trong, lắc xong đặt đĩa xuống chiếu bạc. Những người tham gia đánh bạc bắt đầu đặt tiền xuống trước mặt vị trí ngồi để đặt cửa chẵn hoặc lẻ, số lượng tiền đặt tùy ý, tối thiểu là 20.000 đồng, tối đa là 50.000 đồng trên một ván. Quy định bên tay trái của người xóc cái tính là cửa lẻ, bên tay phải tính là cửa chẵn. Khi mở bát, quân vị trên đĩa thể hiện là lẻ khi bốn quân vị có một quân mặt đen ba quân mặt trắng hoặc một quân mặt trắng ba quân mặt đen. Thể hiện là chẵn khi bốn quân vị có hai quân mặt trắng hai quân mặt đen hoặc bốn quân mặt trắng hoặc bốn quân mặt đen. Sau khi những người tham gia đánh bạc đặt tiền xong. Người xóc cái mở bát, nếu quân vị thể hiện là lẻ thì những người đặt tiền vào bên lẻ thắng và được nhận thêm số tiền thắng bằng số tiền mà người độ đã đặt cược, những người đặt bên chẵn sẽ bị thua và mất số tiền đặt cược. Ngược lại nếu quân vị thể hiện là chẵn thì những người đặt tiền bên chẵn thắng và được tiền, người đặt tiền bên lẻ thua và bị mất tiền đã đặt cược.

Vị trí ngồi đánh bạc: Tuấn là người xóc cái, ngồi bên phải Tuấn là Đức, tiếp đó đến Dũng, Hợp, Mạnh, Phương, Trung, Luyến. Mọi người tạo thành vòng tròn để đánh bạc với nhau. Sau khi thua hết tiền, Dũng đứng phía sau Mạnh và Hợp.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc chiếu nhựa màu trắng xanh, kích thước (4,16x1,97m), tình trạng cũ, đã qua sử dụng; 01 bát con sứ màu trắng; 01 đĩa tròn bằng sứ màu trắng; 04 quân vị là thẻ tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu "A"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C", thu giữ của Dương Văn M.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C1", thu giữ của Dương Văn P.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C2", thu giữ của Dương Văn T.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xám, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C3", thu giữ của Đặng Văn H.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "D", thu giữ của Nguyễn Văn T..

- Số tiền 9.660.000 đồng trong đó gồm: 200.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 7.670.000 đồng thu giữ trên người của Tuấn, Đức, Trung, Mạnh, Phương, 290.000 đồng thu giữ trên người của Pha và 1.500.000 đồng là tiền Phương đổi cho Luyến, do Luyến không có tài khoản Ngân hàng, nên chuyển vào tài khoản của Tuấn do Tuấn tự nguyện giao nộp.

Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên và tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-KV1, ngày 18/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L., Dương Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P., Nguyễn Tiến D. về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Phần luận tội tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L., Dương Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P., Nguyễn Tiến D. phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt chính:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn L. từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Dương Văn M., Nguyễn Văn Đ., mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D. và Dương Văn P., mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Dương Văn T. từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L., Dương Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P., Nguyễn Tiến D., mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 9.070.000 đồng là tiền do các bị cáo sử dụng để đánh bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C" thu giữ của Dương Văn M.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C1", thu giữ của Dương Văn P.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xám, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C3", thu giữ của Đặng Văn H.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "D", thu giữ của Nguyễn Văn T..

- Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 chiếc chiếu nhựa màu trắng xanh, kích thước (4,16x1,97m), tình trạng cũ, đã qua sử dụng; 01 bát con sứ màu trắng; 01 đĩa tròn bằng sứ màu trắng; 04 quân vị là thẻ tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu "A".

- Tạm giữ để thi hành án: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Mastel, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C2" của bị cáo Dương Văn T.; 300.000 đồng của bị cáo Dương Văn M..

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn P. 290.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thừa nhận việc truy tố xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Lời nói sau cùng các bị cáo xin HĐXX cho hưởng sự khoan hồng của pháp luật được hưởng mức án thấp nhất, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ ngày 26/12/2025, tại khu vực tầng 2 tại nhà ông Ngô Văn T. thuộc xóm Nam 2, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L., Dương Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P. và Nguyễn Tiến D. đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “xóc đĩa” được thua bằng tiền, thì bị Công an xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang thu giữ tổng cộng 9.660.000 đồng. Các bị cáo đều xác định tổng số tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc là 9.070.000 đồng, 300.000 đồng thu giữ trong túi quần bên phải của bị cáo Mạnh xác định mang đi để mừng đám cưới không sử dụng để đánh bạc, 290.000 thu giữ của anh Nguyễn Văn P. là tiền của anh Pha, không liên quan đến đánh bạc.

Hành vi các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành của tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điều luật có nội dung:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L., Dương

Văn T., Dương Văn M., Dương Văn P. và Nguyễn Tiến D. về tội "Đánh bạc" nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội khác.

[5] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự phân công hay cấu kết chặt chẽ, nên không có yếu tố phạm tội có tổ chức. Các bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò là người người trực tiếp thực hiện tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Xét thấy các bị cáo Dương Văn T., Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D., Dương Văn P. và Dương Văn M. là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Dương Văn L., Nguyễn Văn Đ. là người có nhân thân xấu, bị cáo Luyến năm 2012 đã bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản, năm 2020 bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo Đức năm 2020 bị xử lý vi phạm hành chính, đến nay đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*". Ngoài ra, bị cáo Trung có bố đẻ là ông Dương Mạnh Thắng là cựu chiến binh, đã có nhiều cống hiến trong công tác chiến đấu xây dựng lực lượng vũ trang Tây Nguyên, được tặng kỷ niệm chương, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Luyến đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính, bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm, sửa chữa lỗi lầm của mình mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt lành và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đối với bị cáo Đức năm 2020 đã bị xử lý hành chính, đến nay đã được xóa án tích, các bị cáo Mạnh, Trung, Tuấn, Hợp, Dũng và Phương là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 và các văn bản hợp nhất của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo,

không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho các bị cáo cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội với mục đích thu lời bất chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp có căn cứ chấp nhận.

[10] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số tiền 9.070.000 đồng do các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C", thu giữ của Dương Văn M.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C1", thu giữ của Dương Văn P.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xám, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C3", thu giữ của Đặng Văn H.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "D", thu giữ của Nguyễn Văn T.. Đây là những chiếc điện thoại do các bị cáo đã sử dụng để liên lạc rủ nhau đánh bạc và sử dụng để chuyển khoản đổi tiền, phục vụ việc đánh bạc xét thấy cần tịch thu sung quỹ nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc chiếu nhựa màu trắng xanh, kích thước (4,16x1,97m), tình trạng đã cũ, không còn giá trị sử dụng; 01 bát con sứ màu trắng; 01 đĩa tròn bằng sứ màu trắng; 04 quân vị là thẻ tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu "A" là dụng cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Mastel, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu "C2", thu giữ của Dương Văn T.. Quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trung.

- Đối với 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Mạnh, xác định bị cáo mang đi để mừng đám cưới không sử dụng để đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Mạnh.

- Đối với 290.000 đồng thu giữ của anh Nguyễn Văn P., xác định số tiền này không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho anh Pha.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Văn M., Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D., Dương Văn T., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L. và Dương Văn P. phạm tội "Đánh bạc".

2. Về mức hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn L. 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/12/2025 đến ngày 03/01/2026.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Dương Văn M. và Nguyễn Văn Đ., mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D. và Nguyễn Văn Phương, mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn T. 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao các bị cáo Dương Văn M., Nguyễn Văn T., Nguyễn Tiến D., Dương Văn T. và bị cáo Dương Văn P. cho Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giáo dục, Công an xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên giám sát trong thời gian thử thách.

- Giao các bị cáo Đặng Văn H. và Nguyễn Văn Đ. cho Ủy ban nhân dân xã Diềm Thuy, tỉnh Thái Nguyên giáo dục, Công an xã Diềm Thuy, tỉnh Thái Nguyên giám sát trong thời gian thử thách.

- Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Diềm Thuy, xã Phú Bình và Công an xã Diềm Thuy, xã Phú Bình tỉnh Thái Nguyên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người thi hành án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Phạt tiền các bị cáo Dương Văn M., Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn T., Dương Văn L. và bị cáo Dương Văn P., mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cấm các bị cáo Dương Văn M., Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D., Dương Văn T., Nguyễn Văn Đ.,

Dương Văn L. và bị cáo Dương Văn P. đi khỏi nơi cư trú 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

5. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 9.070.000 đồng (chín triệu, không trăm, bảy mươi nghìn đồng) do các bị cáo sử dụng để đánh bạc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu “C” thu giữ của Dương Văn M.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu “C1”, thu giữ của Dương Văn P.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xám, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu “C3”, thu giữ của Đặng Văn H.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu “D”, thu giữ của Nguyễn Văn T..

- Tạm giữ để thi hành án cho bị cáo Dương Văn T. 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Mastel, số Imei XXXXX (năm số cuối), đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu “C2”; bị cáo Dương Văn M. 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa màu trắng xanh, kích thước (4,16x1,97m), tình trạng cũ, đã qua sử dụng; 01 bát con sứ màu trắng; 01 đĩa tròn bằng sứ màu trắng; 04 quân vị là thẻ tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu “A”.

- Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn P. 290.000 đồng (hai trăm, chín mươi nghìn đồng).

Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 155 ngày 27/3/2026 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Dương Văn M., Nguyễn Văn T., Đặng Văn H., Nguyễn Tiến D., Dương Văn T., Nguyễn Văn Đ., Dương Văn L. và bị cáo Dương Văn P., mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng

cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND KV1-Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang

